

18. XÃ TÂN PHƯỚC 3

STT	Tuyến Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 866B	Kênh Năng	Ranh xã Tân Hương	2.000
2	Đường tỉnh 867	Ranh xã Long Định	Cầu kênh 2	2.350
		Cầu kênh 2	Xã Tân Phước 1	2.000
3	Đường tỉnh 874	Xã Tân Phước 1	Ranh xã Tân Phú	1.700
4	Đường tỉnh 878	Giáp ranh xã Hưng Thạnh	Giáp ranh xã Tân Hương	2.200
5	Đường huyện 49 (Đường Thanh Niên), Đường huyện 43 (Đường Kênh 3)	Từ Kênh Nguyễn Tấn Thành	Kênh Sáu Âu	850
6	Đường huyện 44 (Tây Kênh Năng)	Đê 514	Kênh 1	950
		Đê 514	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	850
7	Đường huyện 43 (Đường Kênh 3)	Kênh Sáu Âu	Kênh Năng	750
8	Đông kênh Nguyễn Tấn Thành; Nam Bắc Kênh 2 (từ kênh Xáng Long Định (Nguyễn Tấn Thành) đến Kênh Sáu Âu); Bắc kênh 3 (toàn tuyến)			850
9	Đường Tây Sáu Âu (Đường huyện 44B cũ)			800
10	Đường kênh Cà Dăm (từ kênh 2 đến xã Tân Phước 1); Đường Tây kênh Cà Dăm; Đường Tây kênh tuyến 2 (đoạn từ Bắc Kênh 2 đến kênh 7); Đông Cống Bà Kỳ (từ kênh Cà Dăm đến ranh xã Tân Phú); Đông kênh tuyến 4 (từ Nam kênh 3 đến Bắc kênh 2)			650
11	Đường Nam kênh 2; Đường Nam - Bắc kênh 1 (toàn tuyến); Đường Bắc kênh Thầy Lục (từ kênh Năng đến ranh xã Tân Hương); Tây tuyến ADB (Nam - Bắc Đường tỉnh 866); Đông kênh Sáu Âu (toàn tuyến); Đường Đông kênh Năng, Đông tuyến 7, (trừ đoạn từ kênh 2 đến đê 514); Đường Tây kênh Năng (từ kênh 1 đến kênh Dây Thép-áp 3); Đường liên xã Bắc Kênh 2 (từ kênh Năng đến kênh Sáu Âu); Đường bãi rác			850
12	Bắc kênh Hộ Thông (đoạn giáp ranh xã Tân Hương); Đường Dây Thép (từ kênh Năng đến kênh 8 mét ranh xã Tân Hương); Đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp			750



13	Thầy Lục (từ kênh Năng đến ranh huyện Châu Thành); Đường Đông 6 Ấu (từ kênh Dây Thép đến kênh 1-ấp 3)	750
14	Đường Nam kênh Thầy Lục cũ (từ nhà bà Trang đến Đường cao tốc), Tây tuyến 7, Đông tuyến 7 (đoạn từ kênh 2 đến đê 514); Khu tái định cư (90 nền); Đường Tây kênh 8m (từ đê 514 đến kênh 1)	650
15	Cụm dân cư Tân Lập 2 (trừ Đường huyện 43)	750



Ng